

Số: 212 /QyĐ-ĐHSPKT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2015

## QUY ĐỊNH

### Về mức hỗ trợ học phí cho cán bộ, viên chức đi học Thạc sĩ, Tiến sĩ trong nước

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2020 – 2021. Nhà trường quy định về mức hỗ trợ học phí đối với cán bộ, viên chức của Trường được cử đi học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) như sau:

**1. Đối tượng được thanh toán:** Là cán bộ, viên chức của trường được cử đi học Thạc sĩ, Tiến sĩ (Có quyết định của trường cử đi học).

#### 2. Mức hỗ trợ học phí

Mức hỗ trợ học phí của trường áp dụng cho mỗi cấp học, được quy định chi tiết tại mục 3 Điều 5 Nghị định 86/2015/NĐ-CP, cụ thể áp dụng đối với trường ta như sau (Bảng định mức hỗ trợ đính kèm):

#### 3. Thời gian được thanh toán cho mỗi khóa học:

- Đối với cao học: 2 năm (4 học kỳ)
- Đối với Nghiên cứu sinh: 3 năm (6 học kỳ)
- Các trường hợp đặc biệt (nếu có) thì thời gian thanh toán cụ thể theo quyết định

**4. Cách Thực hiện:** Cá nhân làm giấy đề nghị thanh toán (Theo mẫu) kèm biên lai thu học phí (Bản chính) và quyết định cử đi học (bản photo) gửi về phòng Tổ chức – Cán bộ để làm thủ tục thanh toán.

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2015, tất cả các quy định trước đây nếu trái với quy định này đều được bãi bỏ. 

#### Nơi nhận:

- Các đơn vị;
- BGH (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, TC-CB, 4B.



## BẢNG ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ

(Kèm theo Quy định số 212 /QyĐ-ĐHSPKT ngày 23 tháng 10 năm 2015)

Đơn vị tính: Nghìn đồng/học viên/năm

| Nhóm ngành                                                                                     | Năm học<br>2015 - 2016 |         | Năm học<br>2016 - 2017 |         | Năm học<br>2017 - 2018 |         | Năm học<br>2018 - 2019 |         | Năm học<br>2019 - 2020 |         | Năm học<br>2020 - 2021 |         |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------|------------------------|---------|------------------------|---------|------------------------|---------|------------------------|---------|------------------------|---------|
|                                                                                                | Thạc<br>sỹ             | Tiến sĩ | Thạc<br>sỹ             | Tiến sĩ | Thạc<br>sỹ             | Tiến sĩ | Thạc<br>sỹ             | Tiến sĩ | Thạc<br>sỹ             | Tiến sĩ | Thạc<br>sỹ             | Tiến sĩ |
| Khoa học xã hội, kinh tế, luật,<br>nông, lâm, thủy sản                                         | 9.150                  | 15.250  | 10.050                 | 16.750  | 11.100                 | 18.500  | 12.150                 | 20.250  | 13.350                 | 22.250  | 14.700                 | 24.500  |
| Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công<br>nghệ, thể dục thể thao, nghệ thuật,<br>khách sạn, du lịch | 10.800                 | 18.000  | 11.850                 | 19.750  | 13.050                 | 21.750  | 14.400                 | 24.000  | 15.900                 | 26.500  | 17.550                 | 29.250  |
| Y dược                                                                                         | 13.200                 | 22.000  | 14.550                 | 24.250  | 16.050                 | 26.750  | 17.700                 | 29.500  | 19.500                 | 32.500  | 21.450                 | 35.750  |

*MuuuE*

